

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Quyết định số: 2152/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
I	Lĩnh vực Viễn thông và Internet: 24 TTHC			
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
	trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông			
4	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	UBND tỉnh (Điều 20 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	UBND tỉnh (Điều 21 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
9	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
14	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
15	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
16	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
17	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	UBND tỉnh (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
18	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	UBND tỉnh (Điều 22 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
20	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	UBND tỉnh (Điều 23 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
21	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	UBND tỉnh (Điều 24 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
22	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	UBND tỉnh (Điều 25 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
23	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	UBND tỉnh (Điều 27 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
24	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	UBND tỉnh (Điều 27 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
II	Lĩnh vực Tần Số vô tuyến điện: 20 TTHC			
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	UBND tỉnh (Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	UBND tỉnh (Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	UBND tỉnh (Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	UBND tỉnh (Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Cấp giấy phép sử dụng tần số và đài vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
9	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	UBND tỉnh (Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	UBND tỉnh (Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	UBND tỉnh (Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	UBND tỉnh (Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	UBND tỉnh (Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
14	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	UBND tỉnh (Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
15	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	UBND tỉnh (Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	UBND tỉnh (Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
17	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 32 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
18	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	UBND tỉnh (Điều 32 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
19	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	UBND tỉnh (Điều 33 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
20	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	UBND tỉnh (Điều 33 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
III	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử: 03 TTHC			

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
1	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	UBND tỉnh (Điều 45 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	UBND tỉnh (Điều 46 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	UBND tỉnh (Điều 47 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 32 TTHC			
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 51 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 51 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 51 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	UBND tỉnh (Điều 52 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	UBND tỉnh (Điều 52 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	UBND tỉnh (Điều 52 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 53 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 53 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	UBND tỉnh (Điều 53 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	UBND tỉnh (Điều 54 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	UBND tỉnh (Điều 54 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	UBND tỉnh (Điều 54 Nghị định 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	UBND tỉnh (Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
14	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	UBND tỉnh (Điều 5 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
15	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	UBND tỉnh (Điều 6 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
16	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	UBND tỉnh (Điều 7 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
17	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	UBND tỉnh (Điều 8 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
18	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	UBND tỉnh (Điều 9 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	UBND tỉnh (Điều 10 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
20	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
21	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
22	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
23	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
25	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
26	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
27	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
28	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
29	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
30	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	UBND tỉnh (Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
31	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.	UBND tỉnh (Điều 12 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
32	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.	UBND tỉnh (Điều 12 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
V	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 18 TTHC		Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 39 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 39 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 39 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 5 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 40 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 7 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 8 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 38 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (chủ thể, căn cứ)	Đối tượng được ủy quyền	Ghi chú
10	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 44 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 44 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 44 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 43 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
14	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	UBND tỉnh (Điều 36 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
15	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 10 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
16	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 42 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
17	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	UBND tỉnh (Điều 37 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
18	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	UBND tỉnh (Điều 41 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	